

BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TỪ GÓC ĐỘ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

BÙI THỊ HẠNH* - TRẦN THỊ MÙI**

Tóm tắt: Áp dụng biện pháp ngăn chặn với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi là chế định cần thiết của tố tụng hình sự nhằm đảm bảo loại trừ những khó khăn, trở ngại từ phía người bị buộc tội gây ra cho cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời cũng là chế định thể hiện tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật trong việc ghi nhận và bảo vệ thỏa đáng các quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 chưa thể hiện được đầy đủ, cân đối, hài hòa hai mục đích, ý nghĩa đó. Bài viết phân tích, chỉ rõ một số vướng mắc, bất cập; trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện quy định của BLTTHS về áp dụng biện pháp ngăn chặn với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi để tạo sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi.

Từ khóa: Biện pháp ngăn chặn, người bị buộc tội, người dưới 18 tuổi, phân hóa, tạm giữ, tạm giam

Ngày nhận bài: 21/11/2023; Biên tập xong: 23/11/2023; Duyệt đăng: 23/11/2023

COMPLETING REGULATIONS ON APPLYING PREVENTIVE MEASURES IN THE CRIMINAL PROCEDURE CODE TO ENSURE RIGHTS OF THE ACCUSED WHO IS UNDER 18 YEARS OLD

Abstract: It is necessary to regulate the application of preventive measures to the accused who is under 18 years of age in criminal procedures. One hand, this institution ensures to erase difficulties caused by the accused to the procedure-conducting agencies; on the other hand, it shows humaneness of legal regulations in adequately recognizing and protecting the legitimate rights and interests of minors charging with crimes. However, meanings of those regulations in the 2015 Criminal Procedure Code have not fully expressed. This article analyzes a number of obstacles to proposes recommendations for perfecting provisions of the 2015 Criminal Procedure Code on applying preventive measures to the accused person who is under 18 years old, then raising consistent awareness and law application to best protect the minors' legitimate rights and interests.

Keywords: Preventive measures, the accused person, person who under 18 years of age, differentiation, custody, detention

Received: Nov 21st, 2023; Editing completed: Nov 23rd, 2023; Accepted for publication: Nov 23rd, 2023

1. Khái quát về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi

Biện pháp ngăn chặn (BPNC) là những biện pháp cưỡng chế được quy định trong BLTTHS, do cơ quan có thẩm quyền áp dụng đối với người bị buộc tội để kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn việc họ gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc tiếp tục phạm tội. Việc áp dụng BPNC tạo ra những thuận lợi nhất định cho quá trình giải quyết vụ án hình sự nhưng đồng thời cũng ẩn chứa các nguy cơ xâm phạm quyền của người bị buộc tội. Vì

vậy, để đảm bảo quyền con người, việc áp dụng BPNC chỉ được thực hiện khi có các căn cứ theo quy định của pháp luật¹. Căn cứ, thủ tục, trình tự áp dụng biện pháp ngăn chặn luôn được quy định rất chặt

** Email: Hanhbui76@gmail.com*

Tiến sĩ, Trường khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

*** Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm Bảo đảm chất lượng đào tạo, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

¹ Bùi Thị Hạnh (2017), *Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân.

chẽ, đặc biệt với đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội.

Người dưới 18 tuổi là chủ thể đặc biệt của pháp luật, được pháp luật quốc tế cũng như các quốc gia trên thế giới bảo hộ bằng những quy định riêng biệt. Đó là những người chưa phát triển hoàn thiện về thể chất, tinh thần, chưa có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi đầy đủ. Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 của Liên hợp quốc đã định nghĩa: “Trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể áp dụng với trẻ em đó có quy định tuổi thành niên sớm hơn”. Tương thích với đó, khoản 1 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định: “Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi”. Như vậy, về cơ bản, pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam đều coi người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Việc thống nhất thừa nhận người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi vừa ghi nhận trạng thái chưa phát triển hoàn thiện, đầy đủ về thể chất, tinh thần của họ, đồng thời xác nhận địa vị, tư cách pháp lý của người đó theo luật định².

Theo Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học, BPNC được hiểu là “*biện pháp cưỡng chế tố tụng áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người chưa bị khởi tố (trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang) để ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án*”³. Còn theo giáo trình Luật tố tụng hình sự của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, BPNC được hiểu là *biện pháp do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành*

*tố tụng áp dụng đối với người bị nghi là thực hiện tội phạm, bị can, bị cáo nhằm ngăn chặn việc người đó bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc sẽ tiếp tục phạm tội*⁴.

Từ các khái niệm nêu trên, có thể đưa ra khái niệm *Áp dụng BPNC với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi là việc chủ thể có thẩm quyền trong tố tụng hình sự, dựa trên chứng cứ đã thu thập được và căn cứ áp dụng BPNC theo luật định, quyết định lựa chọn biện pháp ngăn chặn cụ thể để áp dụng với người dưới 18 tuổi bị nghi ngờ hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn hoặc gây khó khăn, cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành án.*

Cũng như pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự có những chính sách ưu tiên đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi khi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, nhằm phù hợp với đặc điểm phát triển chưa hoàn thiện về thể chất, tinh thần, về nhận thức, tâm sinh lý cũng như khả năng giáo dục, cải tạo đối với họ. Áp dụng biện pháp ngăn chặn là một trong những chế định thể hiện rõ nét sự ưu tiên bảo vệ quyền của người buộc tội là người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự. Đến nay, chế định này trong BLTTHS đã thể hiện sự hoàn thiện, tiếp cận gần hơn tới các giá trị bảo vệ quyền con người, tuy nhiên thực tiễn áp dụng vẫn phát sinh một số bất cập cần tiếp tục nghiên cứu để bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi.

2. Một số vướng mắc, bất cập trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi

Việc áp dụng BPNC đối với người bị

² Nguyễn Thị Ninh Bình (2017), *Áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

³ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 1999

⁴ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.196

buộc tội là người dưới 18 tuổi được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của BLTTHS, trong đó chủ yếu dựa trên Điều 419, cụ thể là:

- Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự (BLHS) nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 BLTTHS.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của BLTTHS.

- Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

- Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên.

- Khi không còn căn cứ để tạm giữ, tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

Quy định trên đây đã thể hiện được đường lối xử lý nhân đạo, chính sách tư pháp thân thiện, phục hồi đối với người bị

buộc tội là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, để phát huy tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách tố tụng thân thiện, phục hồi với người dưới 18 tuổi, các quy định trên đây vẫn còn một số vướng mắc bất cập như sau:

Thứ nhất, quy định về việc áp dụng BPNC đối với người dưới 18 tuổi tại khoản 1 Điều 419 BLTTHS năm 2015 quy định “*chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết*”⁵. Hiện nay, BLTTHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành không giải thích như thế nào được coi là “thật cần thiết”. Đồng thời, cũng cần nhận thức đúng đắn tinh thần “*chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả*”. Bởi lẽ, không có hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện nguyên tắc trên nên dẫn đến thực trạng áp dụng còn có sự nhận thức khác nhau.

Ví dụ: Vào lúc 01 giờ 45 phút ngày 09/7/2019, Nguyễn Ngọc N (15 tuổi) điều khiển xe gắn máy biển số 94H4-XXXX chở Huỳnh Trung C (16 tuổi) chạy lòng vòng chơi và trên đường đi, N rủ C tìm tài sản cướp giật bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, C đồng ý. Khi đến trước nhà số 28M đường BP, quận 6, C phát hiện ông Lê Ngô M đang ngồi trên xe gắn máy đậu sát lề đường nghe điện thoại nên chỉ cho N thấy. Do C không dám giật nên N quay đầu xe lại rồi giao xe cho C điều khiển chở N. C liền điều khiển xe chạy lên áp sát xe ông M để N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại của ông M rồi vọt xe tẩu thoát. Ngay lập tức, ông M điều khiển xe đuổi theo đến trước nhà số 144 đường CL, quận F thì bắt giữ được N giao Công

⁵ Lê Thị Hà (2023), *Áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn điều tra từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

an phường K, quận F giải quyết. Riêng C chạy thoát đến khoảng 05 giờ cùng ngày, C đến Công an phường J, quận F đầu thú. 02 bị can bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2019⁶. Trong vụ án này, 02 bị can đều là người dưới 18 tuổi, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; một trong số họ có tình tiết đầu thú. Tuy nhiên, cả hai vẫn bị tạm giam từ ngày bị bắt giữ, đầu thú cho đến khi mở phiên tòa xét xử.

Thứ hai, quy định về căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tại khoản 2 Điều 419 BLTTHS năm 2015 chưa thể hiện được đường lối xử lý riêng áp dụng với người dưới 18 tuổi. Sở dĩ như vậy là vì quy định này dẫn chiếu trở lại các điều luật về căn cứ áp dụng BPNC tương ứng như đối với người đã thành niên (trong trường hợp phạm tội mà mức cao nhất của khung hình phạt từ 02 năm tù trở lên), ngoài ra không bổ sung thêm dấu hiệu nào cho thấy việc áp dụng BPNC với người dưới 18 tuổi đó rõ ràng là có căn cứ và cần thiết. Từ đó cho thấy, trường hợp nào người đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự (phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng ở một số loại tội) thì trường hợp đó họ đều có nguy cơ bị áp dụng BPNC nếu có các dấu hiệu “cản trở điều tra, truy tố, xét xử”. Điều này hoàn toàn giống với chính sách áp dụng đối với người đã thành niên mà không có bất kỳ sự phân hóa nào.

Thứ ba, quy định về căn cứ áp dụng các BPNC như giữ khẩn cấp, bắt, tạm giữ cũng chưa có sự phân hóa giữa người đã thành niên và người dưới 18 tuổi. Điều 419 BLTTHS năm 2015 chỉ dẫn chiếu trở lại các điều luật về giữ khẩn cấp, bắt, tạm giữ mà không kèm theo dấu hiệu riêng, đặc thù riêng cho người dưới 18 tuổi phạm

tội như trong cách quy định với biện pháp tạm giam. Do đó, có thể nhận thấy việc áp dụng các BPNC chưa có sự khác biệt về căn cứ áp dụng giữa người dưới 18 tuổi với người đã thành niên.

Thứ tư, việc phân hóa các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng còn có sự bất cập. Cụ thể, khoản 4 Điều 419 BLTTHS năm 2015 quy định có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến 02 năm. Trong khi đó, khoản 3 Điều 419 BLTTHS năm 2015 quy định về trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, về kỹ thuật lập pháp, quy định tại khoản 4 Điều 419 BLTTHS năm 2015 bỏ sót trường hợp phạm tội (ít nghiêm trọng) mà mức cao nhất của khung hình phạt là từ trên 2 năm đến 3 năm tù⁷.

Thứ năm, thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi chưa có sự phân hóa giữa các độ tuổi cụ thể. Căn cứ mức độ phát triển thể chất, tâm thần và khả năng giáo dục cải tạo, BLHS đã quy định các mức hình phạt khác nhau, đặc biệt đối với hình phạt tù khi áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội ở độ tuổi khác nhau. Tuy nhiên, quy định về thời hạn tạm giam trong BLTTHS năm 2015 lại chưa có sự phân hóa để đảm bảo tương thích với BLHS năm 2015. Cụ thể là thời hạn tạm giam áp dụng với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi bằng 2/3 đối với người từ 18 tuổi trở lên⁸. Như vậy, quy định về thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi chưa có sự khác biệt so với người đã thành niên để phù hợp với mức độ phát triển về thể

⁶ Bản án số 118/HSST về tội Cướp giật tài sản của TAND Quận 6 TP. Hồ Chí Minh.

⁷ Bùi Thị Hạnh (2017), tldd

⁸ Khoản 1 Điều 419 BLTTHS năm 2015

chất, tâm thần và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

3. Giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, tăng cường bảo vệ quyền của người bị buộc tội đặc biệt là người dưới 18 tuổi, cần khắc phục những vướng mắc, bất cập trên đây về áp dụng BPNC đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong BLTTHS. Cụ thể như sau:

Một là, cần tiếp tục khẳng định việc áp dụng các BPNC đối với người dưới 18 tuổi phải đảm bảo tính có căn cứ mà trước hết là các căn cứ chung quy định tại Điều 109 BLTTHS năm 2015. Việc áp dụng bất kỳ BPNC nào đối với người bị buộc tội nói chung đều phải chứng minh được thỏa mãn căn cứ quy định tại Điều luật này trước khi chứng minh thỏa mãn các căn cứ riêng quy định về từng biện pháp⁹. Nếu không thỏa mãn một trong các căn cứ này thì người có thẩm quyền không xem xét áp dụng bất kỳ BPNC nào đối với người dưới 18 tuổi, kể cả các BPNC không có tính giam giữ. Tiếp đến, khi lựa chọn áp dụng BPNC cụ thể, người có thẩm quyền phải chứng minh trường hợp đó thỏa mãn căn cứ, điều kiện áp dụng riêng của từng BPNC. Do đó, cần có quy định cụ thể về “*sự cần thiết*” phải áp dụng BPNC đối với người dưới 18 tuổi theo hướng, đây là những trường hợp không có căn cứ để áp dụng biện pháp giám sát, hoặc việc áp dụng các biện pháp giám sát không đủ đảm bảo ngăn ngừa những khó khăn, trở ngại do người phạm tội gây ra cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Ví dụ: Bị can không có nơi cư trú rõ ràng; không có người thân thích; bị can có nhân thân xấu; tội phạm đã thực hiện là tội

phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng...

Hai là, tăng cường hiệu quả áp dụng biện pháp giám sát người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi để hạn chế việc áp dụng BPNC đối với họ. Theo đó, cần sửa đổi quy định tại Điều 418 BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung chế tài áp dụng với người đại diện của người dưới 18 tuổi được giao giám sát khi không thông báo, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp người được giám sát có dấu hiệu bỏ trốn hoặc có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này hoặc tiếp tục phạm tội. Hiện nay, người đại diện cho người bị buộc tội được giao giám sát nếu vi phạm nghĩa vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị thay đổi hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật¹⁰. Do đó, cần quy định cụ thể chế tài này để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát đối với người bị buộc tội. Tham khảo BLTTHS một số quốc gia, có thể nhận thấy pháp luật nhiều nước có quy định chế tài áp dụng đối với người được giao giám sát mà vi phạm nghĩa vụ giám sát. Cụ thể, người có trách nhiệm giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội nếu vi phạm nghĩa vụ thì có thể bị phạt tiền đến một tháng lương tối thiểu hoặc bị áp dụng biện pháp cảnh cáo¹¹.

¹⁰ Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 22/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao về phối hợp thực hiện một số quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi

¹¹ Tường Duy Kiên (2019), “Quyền trẻ em và quyền của người dưới 18 tuổi trong tư pháp hình sự: Kinh nghiệm

⁹ Bùi Thị Hạnh (2017), ttdđ

Mặt khác, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về biện pháp giám sát để tránh nhầm lẫn khi đồng nhất việc áp dụng biện pháp giám sát với biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có ý kiến cho rằng, khi áp dụng biện pháp giám sát người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi thì cơ quan tiến hành tố tụng vẫn có quyền áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với họ để tăng cường hiệu quả ngăn chặn trong thực tiễn¹². Xét về mặt ý nghĩa, mục đích, nếu cho rằng biện pháp giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội có thể áp dụng đồng thời với biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú thì vô hình chung đã làm mất đi ý nghĩa, mục đích của biện pháp giám sát là để nhằm thay thế, giảm thiểu việc áp dụng các BPNC với người dưới 18 tuổi.

Ba là, quy định rõ khi lựa chọn BPNC để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi thì người tiến hành tố tụng cần cân nhắc, lựa chọn các BPNC không có tính giam giữ như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm. Tuy nhiên, các biện pháp này cũng chỉ được áp dụng khi thỏa mãn tính có căn cứ (quy định tại Điều 109 BLTTHS năm 2015) và tính cần thiết (không có căn cứ áp dụng biện pháp giám sát hoặc tuy có căn cứ áp dụng nhưng không hiệu quả). Đối với các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam chỉ được xem xét áp dụng khi việc áp dụng các biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm không đủ sức ngăn chặn việc người bị buộc tội gây khó khăn, “cản trở” cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Bốn là, quy định rõ căn cứ áp dụng

của Cộng hoà Liên bang Đức và Việt Nam”, *Bảo đảm quyền trẻ em và quyền của người dưới 18 tuổi trong tư pháp hình sự: Kinh nghiệm thực hiện Công ước của Liên hợp quốc tại Đức và Việt Nam*, Học viện chính trị Khu vực 2

¹² Dương Tấn Thanh (2019), Điểm mới và vướng mắc về biện pháp giám sát người bị buộc tội dưới 18 tuổi, *Tạp chí Tòa án*, nguồn truy cập: <https://www.tapchitoaan.vn/diem-moi-va-vuong-mac-ve-bien-phap-giam-sat-nguoi-bi-buoc-toi-duoi-18-tuoi>

biện pháp giữ khẩn cấp, bắt, tạm giữ đối với người bị buộc tội là người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi để đảm bảo sự phân hóa so với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Hiện quy định về việc áp dụng các biện pháp nói trên đối với nhóm đối tượng này không có sự khác biệt so với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi ngoài điểm khác duy nhất liên quan đến loại tội mà người đó phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều này không đảm bảo được sự phân hóa và phù hợp với chính sách nhân đạo đối với người phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi. Do đó, cần tách khoản 2 Điều 419 BLTTHS năm 2015 thành hai đoạn riêng biệt để quy định về căn cứ áp dụng biện pháp giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ và quy định về căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam, trong mỗi nhóm có sự nhấn mạnh về căn cứ để đảm bảo việc áp dụng được chặt chẽ, cụ thể là:

“2. Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111, 112 và có căn cứ, cần thiết phải tạm giam đối với họ.

Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi có thể bị tạm giam nếu có căn cứ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật này, và việc áp dụng biện pháp giám sát, các biện pháp ngăn chặn khác đối với họ không hiệu quả”.

Đồng thời, sửa đổi khoản 4 Điều 419 BLTTHS theo hướng, không tách bạch các trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng theo mức quy định hình phạt tù đến 2 năm (và trên 2 năm, như thực trạng quy định đang bỏ sót), vì thực chất sự phân hóa này không có ý nghĩa như đối với người đã thành niên. Do đó, cần sửa quy định này thành “Đối với bị can, bị cáo... về tội nghiêm trọng do vô ý, **tội ít nghiêm trọng** thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam...”. Như vậy đã đảm bảo đủ các loại tội được

nhắc đến trong căn cứ áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Mặt khác, bổ sung quy định về phân hóa thời hạn tạm giam tương ứng với chủ thể phạm tội ở các độ tuổi khác nhau. Cần quy định thời hạn tạm giam khác nhau giữa các nhóm người dưới 18 tuổi nhằm đảm bảo sự tương thích với sự phân hóa về mức hình phạt áp dụng đối với họ theo quy định trong BLHS. Theo đó, thời hạn tạm giam áp dụng với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải ngắn hơn thời hạn tạm giam áp dụng với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Vì vậy, đoạn 2 khoản 1 Điều 419 BLTTHS năm 2015 cần sửa thành: **“Thời hạn tạm giam đối với người từ 14 đến dưới 16 tuổi không quá 1/2 thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên. Thời hạn tạm giam đối với người từ 16 đến dưới 18 tuổi không quá 2/3 thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên...”**.

Năm là, sửa đổi căn cứ áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội để đảm bảo sự tương thích với quy định tại khoản 3 Điều 14 BLHS năm 2015 bởi không phải mọi trường hợp người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội đều bị xử lý hình sự. Họ chỉ có thể bị xử lý hình sự nếu chuẩn bị phạm các tội quy định tại Điều 123, Điều 168 BLHS năm 2015. Như vậy, đối với những tội danh mà họ không bị xử lý hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội thì việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 rõ ràng là không có căn cứ. Trong trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng không thể áp dụng BPNC đối với họ mà cần chuyển cho cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý khác. Do đó, bổ sung đoạn 2 vào khoản 2 Điều 419 BLTTHS nội dung sau: **“Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ có thể bị giữ trong trường**

hợp khẩn cấp theo điểm a Điều 110 Bộ luật này nếu có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 Bộ luật hình sự”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021);
3. Nguyễn Thị Ninh Bình (2017), *Áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội;
4. Bùi Thị Hạnh (2017), *Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân;
5. Lê Thị Hà (2023), *Áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn điều tra từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;
6. Lê Tiến Hoàng, Trịnh Duy Thuyên (2020), *“Biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”*, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 8;
7. Tường Duy Kiên (2019), *“Quyền trẻ em và quyền của người dưới 18 tuổi trong tư pháp hình sự: Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức và Việt Nam”*, *Bảo đảm quyền trẻ em và quyền của người dưới 18 tuổi trong tư pháp hình sự: Kinh nghiệm thực tiễn Công ước của Liên hợp quốc tại Đức và Việt Nam*, Học viện chính trị Khu vực 2;
8. Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án số 118/HSST ngày 30/11/2017 về tội Cướp giật tài sản*;
9. Nguyễn Thị Loan, Trần Thị Thanh Hằng (2021), *“Thủ tục tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi”*, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 21 (445);
10. Dương Tấn Thanh (2019), *Điểm mới và vướng mắc về biện pháp giám sát người bị buộc tội dưới 18 tuổi*, *Tạp chí Tòa án*, nguồn truy cập: <https://www.tapchitoaan.vn/diem-moi-va-vuong-mac-ve-bien-phap-giam-sat-nguoi-bi-buoc-toi-duoi-18-tuoi>
11. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016.